

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 - 2020
Về việc Ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2020/QĐST-HGND, ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Khắc T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã G, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Khắc T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố H vào ngày 11 tháng 9 năm 2015, sau khi cưới vợ chồng về ăn ở cùng gia đình chị Nguyễn Thị L tại thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận

về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân chị và anh T đều đã một lần ly hôn về chung sống cùng nhau đáng lẽ ra anh T phải biết tu tỉnh làm ăn tuy nhiên anh T lại thường hay rượu chè về nhà sinh sự chửi bới, xúc phạm đánh đập chị và con, nên cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, mặc dù vợ chồng sống chung cùng nhà nhưng đã ly thân nhau và không còn quan tâm nhau. Nay để giải phóng cho nhau chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Khắc T.

- Về con chung: Quá trình chung sống sau khi kết hôn chị và anh T sinh được 01 con chung tên: Bùi Mai L, sinh ngày 28/11/2015, khi ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án.

- Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Khắc T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Khắc T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho anh Bùi Khắc T biết việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, song anh Bùi Khắc T không đến Tòa án trình bày quan điểm và cũng không có văn bản, giấy tờ nào gửi đến Tòa án trình bày ý kiến về việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn. Do vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Bùi Khắc T vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Bùi Khắc T vắng mặt nên chưa chấp hành đúng pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Khắc T; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Khắc T; Về con chung: Giao con chung tên Bùi Mai L, sinh ngày 28/11/2015 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn anh Bùi Khắc T vắng mặt chưa có quan điểm trình bày

về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 11/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, mặc dù vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng đã ly thân và không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống, làm ăn chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Khắc T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Khắc T đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, song anh T đều vắng mặt điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã kéo dài khả năng đoàn tụ không còn, anh T trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Bùi Khắc T vẫn vắng mặt không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L và cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Khắc T.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn

- Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Khắc T có 01 con chung tên: Bùi Mai L, sinh ngày 28/11/2015. Khi ly hôn nguyện vọng của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, bị đơn anh Bùi Khắc T vắng mặt không có quan điểm trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Mặc dù hiện nay chị L và anh T sống chung cùng nhà với nhau, song đã không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau một thời gian dài và nơi ở hiện nay là tại thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Nguyễn Thị L, con chung tên Bùi Mai L hiện còn nhỏ (trên 3 tuổi) cần có sự chăm sóc dạy bảo của mẹ để phát triển tốt mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ hai anh Bùi Khắc T đều

vắng mặt không có văn bản, tài liệu, chứng cứ nào gửi đến Tòa án trình bày nguyện vọng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung khi ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày đề nghị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa do anh T không hợp tác không đến Tòa án trình bày quan điểm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung

Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn anh Bùi Khắc T vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Khắc T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Mai L, sinh ngày 28/11/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002117, ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã G, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

